TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HS-ST
Ngày 25-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN AN DƯƠNG - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Anh Thư - Thư ký Toà án nhân dân quận An Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại điểm cầu T tâm Tòa án nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng và điểm cầu thành phần phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Việt T, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1993, tại T; Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần Duy H (đã chết) và bà Phạm Thị T; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; bị tạm giữ ngày 09/01/2025 đến 14/01/2025 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố H; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Việt T*: Bà Lương Thị Thuỷ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xin vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị Phạm Thị S, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, quận A, thành phố H; vắng mặt.

Anh Trương Thế S, sinh năm 1989; Tổ dân phố D, phường L, quận A, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 07 năm 2023, anh Nguyễn Văn H chủ cửa hàng cầm đồ Anh Huy, địa chỉ thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương thuê Trần Việt T làm nhân viên trông coi cửa hàng với mức lương 7.000.000 đồng/01 tháng. Ngày 25/11/2023, anh H giao cho T quản lý 03 xe mô tô biển kiểm soát 15D1-339.57; 36P8-759.49; 34D1-232.09 và 01 xe mô tô điện biển kiểm soát 17AA-549.66 (đều là xe của khách cầm cố tại cửa hàng). T đã nảy sinh ý định mang những chiếc xe này đi cầm cố để lấy tiền tiêu. Ngày 01/12/2023, T mang 02 xe mô tô 15D1-339.57 và 36P8-759.49 đến nhà chị Phạm Thị S ở thôn Đồng Xuân, xã Hồng Phong cầm cố lấy 33.000.000 đồng, mức lãi suất thoả thuận 2.000 đồng/1 triệu/01 ngày, tuần đầu không tính lãi.

Ngày 10/12/2023, anh Lê Văn Thao (chưa xác định được địa chỉ) đến cửa hàng Anh Huy để lấy lại xe 15D1-339.57 đã cầm cố trước đó, T mang xe 34D1-232.09 đến gặp chị S để đổi lấy xe 15D1-339.57 mang về trả và nhận của anh Thao 17.000.000 đồng (tiền cầm cố xe và tiền lãi) nhưng không đưa lại số tiền này cho anh H. Ngày 25/12/2023, anh Nguyễn Duy Biên ở thôn Đồng Xuân, xã Hồng Phong đến cửa hàng Anh Huy để lấy lại xe 36P8-759.49, T yêu cầu anh Biên chuyển khoản số tiền 16.150.000 đồng (tiền cầm cố và tiền lãi) cho chị S để lấy lại xe 36P8-759.49. Ngày 26/12/2023, T tiếp tục mang xe điện 17AA- 549.66 đến nhà anh Trương Thế S ở thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện cầm cố được 8.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/ 01 ngày.

Ngày 29/12/2023, khi biết anh H kiểm tra tài sản tại cửa hàng, T đã tắt điện thoại liên lạc và bỏ trốn. Ngày 31/12/2023, T quay lại phòng trọ để thu dọn đồ đạc thì bị anh H đưa đến Công an xã Hồng Phong trình báo và giao nộp hợp đồng lao động giữa anh H và T, 04 hợp đồng cầm đồ và giấy tờ chứng nhận điều kiện kinh doanh cầm đồ. Quá trình Cơ quan điều tra thụ lý giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, do chưa có Kết luận định giá tài sản, nên chưa đủ căn cứ tạm giữ, tạm giam T theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/01/2024, chị Phạm Thị S tự nguyện giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 34D1-232.09; anh Trương Thế S tự nguyện giao nộp xe mô tô điện Espero biển kiểm soát 17AA - 549.66.

Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 04/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 15D1-339.57 có giá trị 27.800.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha Janus, biển kiểm soát 36P8-759.49 có giá trị 18.900.000 đồng; 01 xe mô tô Yamaha

Exciter, biển kiểm soát 34D1-232.09 có giá trị 15.800.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 17AA- 549.66 có giá trị 13.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2025 Trần Việt T bị bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên: Sau khi mang xe đi cầm cố và lấy được số tiền cầm cố của khách hàng đến lấy xe, T đã không báo và giao nộp cho anh H mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết, trong thời gian chờ xử lý do T không có điều kiện khắc phục hậu quả nên đã bỏ trốn, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết quả định giá tài sản và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: Các tài liệu do bị hại giao nộp kèm theo hồ sơ vụ án. Cơ quan điều tra trả lại xe điện mô tô 17AA-549.66 cho chị Nguyễn Thị Thủy, ở Công ty LG Display, khu công nghiệp An Dương là chủ sở hữu hợp pháp. Xe mô tô biển kiểm soát 34D1-232.09, kết quả giám định số khung, số máy không phải số nguyên thủy nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ.

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu T bồi thường 41.000.000 đồng; anh Trương Thế S yêu cầu T bồi thường 8.000.000 đồng; chị Phạm Thị S yêu cầu T bồi thường 16.000.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường cho anh H, S, S theo yêu cầu.

Tại Cáo trạng số 88/CT-VKS-AD ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo T thừa nhận chưa bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 41.000.000 đồng, anh Trương Thế S số tiền 8.000.000 đồng và chị Phạm Thị S số tiền 16.000.000 đồng, bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn H, anh Trương Thế S và chị Phạm Thị S số tiền trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu, khẳng định cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Việt T theo tội danh và điều khoản đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Việt T mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 09/01/2025. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh Nguyễn

Văn H số tiền 41.000.000 đồng, anh Trương Thế S số tiền 8.000.000 đồng và chị Phạm Thị S số tiền 16.000.000 đồng; Vật chứng và án phí giải quyết theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Việt T: Bà Lương Thị Thuỷ, vắng mặt tại phiên toà nhưng có gửi Văn bản quan điểm bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với tội danh, điều luật truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát áp dụng truy tố đối với bị cáo T. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là do nhận thức pháp luật còn hạn chế, bố đẻ bị mất sớm và do hoàn cảnh kinh tế gia đình thuộc hộ nghèo nên khi được anh H giao số tài sản có giá trị thì bị cáo không kìm chế được bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo là tiêu sài cà nhân nhân và trả nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội và miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận An Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng của người bào chữa cho bị cáo tại phiên toà, bà Lương Thị Thuỷ đã có văn bản đề nghị xin xét xử vắng mặt, đồng thời có quan điểm bào chữa cho bị cáo bằng văn bản gửi trước cho Hội đồng xét xử; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy, người bào chữa cho bị cáo xin vắng mặt và có quan điểm bào chữa; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[3] Tại phiên toà bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên và Cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 01/12/2023 đến ngày 26/12/2023, Trần Việt T lợi dụng sự tín nhiệm của anh Nguyễn Văn H, giao cho quản lý cửa hàng cầm đồ Anh Huy đã chiếm đoạt số tiền khách thanh toán cho cửa hàng đối với 02 xe mô tô 15D1-339.57 và 36P8-759.49 là 33.150.000 đồng, ngoài ra cầm cố 02 xe mô tô 34D1-232.09 và 17AA-

549.66 trị giá 28.800.000 đồng để chiếm đoạt. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của anh H là 61.950.000 đồng. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người có năng lực phải chịu trách nhiệm hình sự bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Do vậy, hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương truy tố bị cáo T là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[4.1] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự xã hội tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4.2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Việt T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Hình phạt chính: Xét thấy, bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", đồng thời sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã và bị bắt truy nã. Do vậy, xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì "*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*". Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

[5] Xử lý vật chứng: Đối với xe điện mô tô 17AA-549.66 Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Thủy, ở Công ty LG Display, khu công nghiệp An Dương là chủ sở hữu hợp pháp; đối với xe mô tô biển kiểm soát 34D1-232.09, kết quả giám định số khung, số máy không phải số nguyên thủy nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn H yêu cầu T bồi thường 41.000.000 đồng; anh Trương Thế S yêu cầu T bồi thường 8.000.000 đồng; chị Phạm Thị S yêu cầu T bồi thường 16.000.000 đồng. Tại phiên toà bị cáo T thừa nhận chưa bồi thường cho anh H, anh S và chị S số tiền trên; bị cáo sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền 41.000.000 đồng, anh S số tiền 8.000.000 đồng và chị S số tiền 16.000.000 đồng sau.

[7] Về án phí: Bị cáo T gia đình thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi của Phạm Thị S, Trương Thế S nhận cầm cố xe với mức lãi suất 2.000.000 đồng/triệu/ngày, S; khi cầm cố T không nói cho S, S biết là xe T chiếm đoạt của anh H, nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S và S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Việt T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2025.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Việt T.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, xử: Buộc bị cáo Trần Việt T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 41.000.000 (Bốn mươi mốt triệu) đồng; bồi thường cho anh Trương Thế S số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng; bồi thường cho chị Phạm Thị S số tiền 16.000.000 (Mười sàu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Việt T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Việt T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- Cơ quan CSĐT – CATP Hải Phòng;
- Phòng PV 06; Phòng PC 10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận An Dương;
- Trại tạm giam - Công an TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thao